



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên
Ông Phan Phương Anh	Ủy viên
Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải	Thành viên
Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hồng Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 20, Tòa nhà Mipec Tower
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 28-08-2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 28-08-2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-02-00160-19-2



Wang Loan Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **28-08-2019**



Phạm Thị Thủy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.252.417.914.810	1.258.287.929.810
Tiền và các khoản tương đương tiền Tiền	110 111	8	53.818.509.288 53.818.509.288	54.075.074.424 54.075.074.424
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		680.120.000.000	690.310.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(1.490.000.000)	(1.600.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	679.000.000.000	689.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		337.710.023.615	313.632.584.059
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	308.934.854.317	297.273.577.308
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.766.956.668	4.731.269.227
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	22.859.130.096	19.940.697.570
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(8.224.678.489)	(8.312.960.046)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		373.761.023	-
Hàng tồn kho	140	13	136.296.740.183	157.461.009.254
Hàng tồn kho	141		140.058.039.980	158.503.402.019
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.761.299.797)	(1.042.392.765)
Tài sản ngắn hạn khác	150		44.472.641.724	42.809.262.073
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.262.148.034	4.478.917.065
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.155.662.589	36.489.342.472
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	54.831.101	1.841.002.536

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 260)	200		697.053.069.200	740.271.085.475
Các khoản phải thu dài hạn	210		266.057.408	447.246.338
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	10	157.508.000	267.696.930
Phải thu dài hạn khác	216		108.549.408	179.549.408
Tài sản cố định	220		384.256.402.981	408.691.183.069
Tài sản cố định hữu hình	221	14	331.741.897.596	356.119.166.190
Nguyên giá	222		850.341.294.675	847.626.407.317
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(518.599.397.079)	(491.507.241.127)
Tài sản cố định vô hình	227	15	52.514.505.385	52.572.016.879
Nguyên giá	228		64.472.605.592	64.472.605.592
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.958.100.207)	(11.900.588.713)
Bất động sản đầu tư	230	16	7.099.994.543	7.191.291.209
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.943.170.722)	(1.851.874.056)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.001.554.072	1.899.285.450
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	2.001.554.072	1.899.285.450
Tài sản dài hạn khác	260		303.429.060.196	322.042.079.409
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	297.923.095.638	316.270.223.562
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	5.505.964.558	5.771.855.847
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.949.470.984.010	1.998.559.015.285

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

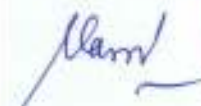
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.158.548.200.157	1.146.061.765.973
Nợ ngắn hạn	310		1.032.855.462.056	1.012.164.485.688
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	158.080.273.258	156.740.316.392
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.689.218.410	9.431.439.704
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	13.473.557.616	15.185.223.615
Phải trả người lao động	314		22.332.236.754	46.247.723.597
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	5.978.974.441	5.123.038.787
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		497.094.600	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	15.932.136.425	10.754.989.657
Vay ngắn hạn	320	24	803.028.874.101	764.780.084.197
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	6.843.096.451	3.901.669.739
Nợ dài hạn	330		125.692.738.101	133.897.280.285
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	125.692.738.101	133.897.280.285
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		790.922.783.853	852.497.249.312
Vốn chủ sở hữu	410	26	790.922.783.853	852.497.249.312
Vốn cổ phần	411	27	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	27	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	103.453.253.749	91.921.802.575
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.632.760.376	145.374.854.809
- Lũy kế đến cuối kỳ/năm trước	421a		(361.848.034)	(2.291.815.238)
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		73.994.608.410	147.666.670.047
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.460.089.728	11.823.911.928
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.949.470.984.010	1.998.559.015.285

28-08-2019

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp



Đỗ Thị Vân Chi
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	1.596.031.618.497	1.587.915.790.638
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	17.522.803.857	17.515.829.848
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	31	1.578.508.814.640	1.570.399.960.790
Giá vốn hàng bán	11	32	1.258.918.799.350	1.248.620.965.778
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		319.590.015.290	321.778.995.012
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	23.564.530.716	30.885.318.985
Chi phí tài chính	22	34	22.898.112.691	27.434.307.881
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.192.871.726	25.077.234.061
Chi phí bán hàng	25	35	166.383.141.634	165.620.557.663
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	56.851.551.419	57.411.636.963
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		97.021.740.262	102.197.811.490
Thu nhập khác	31		750.850.638	820.214.590
Chi phí khác	32		253.477.664	310.547.152
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		497.372.974	509.667.438

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		97.519.113.236	102.707.478.928
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	19.364.677.440	21.195.364.946
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	38	265.891.289	937.732.296
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		77.888.544.507	80.574.381.686
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		73.994.608.410	78.041.772.174
Cổ đông không kiểm soát	62		3.893.936.097	2.532.609.512
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	1.226	1.293

Người lập:

Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

28-08-2019

Đỗ Thị Vân Chi
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	97.519.113.236	102.707.478.928
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	29.594.221.075	31.129.222.627
Các khoản dự phòng	03	2.520.625.475	(15.567.552.355)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(262.915.386)	494.261.950
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(22.070.425.790)	(30.104.741.964)
Chi phí lãi vay	06	22.192.871.726	25.077.234.061
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	129.493.490.336	113.735.903.247
Biến động các khoản phải thu	09	(25.894.437.751)	(25.724.645.634)
Biến động hàng tồn kho	10	18.874.241.060	19.368.044.316
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(30.178.890.218)	(47.032.256.540)
Biến động chi phí trả trước	12	15.803.311.058	7.562.465.964
		108.097.714.485	67.909.511.353
Tiền lãi vay đã trả	14	(22.537.351.269)	(25.213.736.172)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.305.808.660)	(20.566.809.443)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.932.912.871)	(10.729.589.243)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	57.321.641.685	11.399.376.495

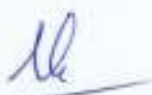
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**Mẫu B 03a – DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

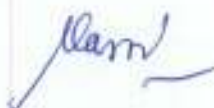
	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(5.050.458.463)	(18.025.335.318)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	96.493.637	110.552.575
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(769.000.000.000)	(624.400.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	779.300.000.000	753.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	24.392.004.549	38.861.016.539
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	29.738.039.723	149.546.233.796
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.233.470.546.392	1.070.211.034.218
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.195.221.756.488)	(1.149.987.232.166)
Tiền trả cổ tức	36	(125.565.162.383)	(78.432.884.038)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(87.316.372.479)	(158.209.081.986)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(256.691.071)	2.736.528.305
Tiền đầu kỳ	60	54.075.074.424	70.740.984.092
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	125.935	(263.551)
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	53.818.509.288	73.477.248.846

28-08-2019

Người lập:

Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đỗ Thị Vân Chi
Kế toán trưởngVũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP ("Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vô bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vô bình gas.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2019: 6 công ty con) như sau:

		30/6/2019 và 1/1/2019	% sở hữu và % quyền biểu quyết
	Hoạt động chính	Địa chỉ	
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Kinh doanh gas hóa lỏng	TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Đà Nẵng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Kinh doanh gas hóa lỏng	Cần Thơ	100%
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas	TP. Hồ Chí Minh	51%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty và các công ty con có 1.047 nhân viên (1/1/2019: 1.080 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng

kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập dựa trên đánh giá của Ban lãnh đạo Tổng Công ty và các công ty con về khả năng có thể thu hồi của các khoản phải thu.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng

kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30 năm
▪ máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 - 10 năm
▪ dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
▪ tài sản khác	3 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm. Không tính khấu hao cho các lô đất mà Tổng Công ty và các công ty con có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 10 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ quyền sử dụng đất	50 năm
▪ nhà cửa, vật kiến trúc	48 năm

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng

kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang không được tính trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Vỏ bình gas

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được. Theo đó, vỏ bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí đền bù đất phát sinh liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê cho các hoạt động sản xuất và gia công, công cụ dụng cụ, bảo hiểm cháy nổ và các chi phí trả trước khác.

Chi phí đền bù đất được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê đất là 45 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm tùy theo hợp đồng bảo hiểm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng

kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá mua trừ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng

kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và trong kỳ kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh gas hóa lỏng và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	5.155.757.140	4.454.514.515
Tiền gửi ngân hàng	48.417.002.148	49.620.559.909
Tiền đang chuyển	245.750.000	-
	53.818.509.288	54.075.074.424

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

			30/6/2019	
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu				
Tổng Công ty CP Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	1.120.000.000	(1.490.000.000)
			1/1/2019	
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu				
Tổng Công ty CP Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	1.010.000.000	(1.600.000.000)

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty này được xác định bằng cách tham chiếu giá bình quân của các cổ phiếu của công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (**) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	679.000.000.000	679.000.000.000

	1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (**) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	689.300.000.000	689.300.000.000

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

10. Phải thu của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	308.934.854.317	297.273.577.308
Dài hạn	157.508.000	267.696.930
	309.092.362.317	297.541.274.238

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	66.185.682.377	58.149.076.656

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Lãi tiền gửi	9.387.375.000	11.593.695.000
Phải thu người lao động	6.664.978.087	3.730.555.611
Hàng hóa cho mượn sản xuất	3.620.234.884	723.844.734
Phải thu ngắn hạn khác	3.186.542.125	3.892.602.225
	22.859.130.096	19.940.697.570

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2019				1/1/2019	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn						
Công ty TNHH ITG - Phong Phú	Trên 5 năm	2.467.346.164	(2.467.346.164)	-	2.467.346.164	(2.467.346.164)
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng KJ	Trên 5 năm	1.751.495.029	(1.751.495.029)	-	1.751.495.029	(1.751.495.029)
Công ty TNHH Sản xuất Xích chuyên dụng Việt Nam	Trên 5 năm	1.242.815.533	(1.242.815.533)	-	1.242.815.533	(1.242.815.533)
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	501.431.596	(150.429.478)	351.002.118	776.565.467	543.595.827
	Từ 1 năm đến 2 năm	370.009.677	(185.004.839)	185.004.838	26.307.055	13.153.528
Các khách hàng khác	Từ 2 năm đến 3 năm	314.153.190	(219.907.233)	94.245.957	54.282.800	16.284.840
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	2.207.680.213	(2.207.680.213)	-	2.567.182.193	-
Trong đó:		8.854.931.402	(8.224.678.489)	630.252.913	8.885.994.241	(8.312.960.046)
						573.034.195

Dự phòng phải thu khó đòi
 - ngắn hạn

(8.224.678.489)
 (8.312.960.046)

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Hàng tồn kho**

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	26.344.274.443	-	49.602.296.760	-
Nguyên vật liệu	40.708.385.730	(1.042.392.765)	43.466.993.477	(1.042.392.765)
Công cụ và dụng cụ	1.726.592.000	-	1.084.466.175	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.160.711.056	-	8.191.709.873	-
Thành phẩm	1.230.000.574	-	875.804.965	-
Hàng hóa	64.888.076.177	(2.718.907.032)	55.282.130.769	-
	140.058.039.980	(3.761.299.797)	158.503.402.019	(1.042.392.765)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có 1.766 triệu VND nguyên vật liệu và 34.550 triệu VND hàng hóa (1/1/2019: 1.766 triệu VND nguyên vật liệu và 0 VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	470.697.707.380	255.893.757.452	105.819.527.443	11.483.371.870	3.732.043.172	847.626.407.317
Tăng trong kỳ	-	133.030.000	621.661.818	-	44.355.600	799.047.418
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 17)	50.385.564	738.225.455	2.316.693.754	-	-	3.105.304.773
Thanh lý	-	(431.551.150)	(719.283.799)	-	-	(1.150.834.949)
Xóa sổ	(38.629.884)	-	-	-	-	(38.629.884)
Số dư cuối kỳ	470.709.463.060	256.333.461.757	108.038.599.216	11.483.371.870	3.776.398.772	850.341.294.675
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	232.894.487.748	180.233.846.166	65.664.368.537	10.348.706.950	2.365.831.726	491.507.241.127
Khấu hao trong kỳ	9.071.282.342	14.572.773.833	4.124.325.528	244.941.576	56.545.110	28.069.868.389
Thanh lý	-	(431.551.150)	(517.647.509)	-	-	(949.198.659)
Xóa sổ	(28.513.778)	-	-	-	-	(28.513.778)
Số dư cuối kỳ	241.937.256.312	194.375.068.849	69.271.046.556	10.593.648.526	2.422.376.836	518.599.397.079
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	237.803.219.632	75.659.911.286	40.155.158.906	1.134.664.920	1.366.211.446	356.119.166.190
Số dư cuối kỳ	228.772.206.748	61.958.392.908	38.767.552.660	889.723.344	1.354.021.936	331.741.897.596

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản cố nguyên giá 133.215 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 123.856 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 10.939 triệu VND (1/1/2019: 11.926 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của một công ty con của Tổng Công ty (Thuyết minh 24).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	53.921.029.956	10.551.575.636	64.472.605.592
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.288.786.990	9.611.801.723	11.900.588.713
Khấu hao trong kỳ	57.511.494	-	57.511.494
Phân loại lại	(939.773.913)	939.773.913	-
Số dư cuối kỳ	1.406.524.571	10.551.575.636	11.958.100.207
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	51.632.242.966	939.773.913	52.572.016.879
Số dư cuối kỳ	52.514.505.385	-	52.514.505.385

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản cố nguyên giá 10.552 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 10.552 triệu VND).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.368.210.001	483.664.055	1.851.874.056
Khấu hao trong kỳ	69.570.000	21.726.666	91.296.666
Số dư cuối kỳ	1.437.780.001	505.390.721	1.943.170.722
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	5.589.195.469	1.602.095.740	7.191.291.209
Số dư cuối kỳ	5.519.625.469	1.580.369.074	7.099.994.543

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ Số 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nằm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.899.285.450	6.328.932.989
Tăng trong kỳ	3.636.452.416	11.019.984.925
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.105.304.773)	(11.645.075.153)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(405.000.000)
Chuyển sang hàng tồn kho	(428.879.021)	-
Số dư cuối kỳ	2.001.554.072	5.298.842.761

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Máy móc, thiết bị	312.664.600	312.664.600
Công trình Văn phòng Cần Thơ	153.703.370	144.378.182
Công trình cải tạo Chi nhánh Phú Thọ	1.227.145.954	1.227.145.954
Khác	308.040.148	215.096.714
Số dư cuối kỳ	2.001.554.072	1.899.285.450

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Vô hình gas	Chi phí đất	Khác	Tổng cộng
	VND	trả trước	VND	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	269.878.712.415	25.938.906.906	20.452.604.241	316.270.223.562
Tăng trong kỳ	14.588.284.648	614.958.629	1.900.816.295	17.104.059.572
Phân bổ trong kỳ	(30.907.683.351)	(1.375.544.526)	(3.167.959.619)	(35.451.187.496)
Số dư cuối kỳ	253.559.313.712	25.178.321.009	19.185.460.917	297.923.095.638

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	5.505.964.558	5.771.855.847

20. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	25.588.637.790	21.525.290.361
Công ty TNHH EI Corporation	24.444.747.004	41.981.492.780
PTT International Trading PTE Ltd	78.138.774.839	69.462.073.249
Các nhà cung cấp khác	29.908.113.625	23.771.460.002
	158.080.273.258	156.740.316.392

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	329.165.847	1.272.964.419

Khoản phải trả người bán đối với các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2019		Số phát sinh trong kỳ VND	Số bù trừ/đã nộp trong kỳ VND	30/6/2019	
	Phải thu VND	Phải trả VND			Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.847.984.996	456.767.927.189	(457.898.309.957)	-	1.717.602.228
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	803.378.732	88.649.614.658	(89.452.993.390)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(57.736.132)	7.859.155.506	19.364.677.440	(17.305.808.660)	-	9.860.288.154
Thuế thu nhập cá nhân	(1.783.266.404)	677.525.169	4.894.595.220	(3.194.896.934)	(54.831.101)	648.788.152
Thuế nhập khẩu	-	2.816.306.212	39.897.642.779	(41.467.069.909)	-	1.246.879.082
Thuế khác	-	180.873.000	342.344.660	(523.217.660)	-	-
	(1.841.002.536)	15.185.223.615	609.916.801.946	(609.842.296.510)	(54.831.101)	13.473.557.616

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Lãi vay	628.487.865	972.967.408
Trích trước chi phí hoạt động	5.350.486.576	4.150.071.379
	5.978.974.441	5.123.038.787

23. Phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.551.425.731	1.580.109.142
Cổ tức phải trả	318.184.820	294.676.820
Tài sản thừa chờ giải quyết	2.675.914.540	-
Hàng hóa mượn sản xuất	1.454.269.806	1.912.137.561
Chi phí dùng chung kho bãi	2.155.429.783	-
Phải trả ngắn hạn khác	6.776.911.745	6.968.066.134
	15.932.136.425	10.754.989.657

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay ngắn hạn

	1/1/2019 Giá trị ghi sổ và sổ có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2019 Giá trị ghi sổ và sổ có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	764.780.084.197	1.233.470.546.392	(1.195.221.756.488)	803.028.874.101

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	406.164.471.277	318.063.800.981
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	246.638.989.870	124.219.156.902
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (i)	VND	62.259.460.865	-
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (i)	VND	49.552.202.844	145.875.298.801
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH (i)	VND	28.899.749.245	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM (ii)	VND	7.014.000.000	6.600.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn – bên liên quan (i)	VND	2.500.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	VND	-	101.228.844.926
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	VND	-	64.792.982.587
		803.028.874.101	764.780.084.197

- (i) Các khoản vay này là các khoản vay tín chấp.
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bởi một số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 10.939 triệu VND (1/1/2019: 11.926 triệu VND) (Thuyết minh 14).

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.901.669.739	3.343.389.574
Trích lập trong kỳ	13.874.339.583	12.096.707.258
Sử dụng trong kỳ	(10.932.912.871)	(10.729.589.243)
Số dư cuối kỳ	6.843.096.451	4.710.507.589

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2018	603.426.380.000	(49.700.000)	33.880.747.127	139.521.149.338	14.354.573.265	791.133.149.730
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	78.041.772.174	2.532.609.512	80.574.381.686
Phân bổ vào các quỹ	-	-	58.041.055.448	(58.041.055.448)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(11.364.767.128)	(731.940.130)	(12.096.707.258)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	(72.407.142.000)	(7.046.862.478)	(79.454.004.478)
Số dư tại ngày 30/6/2018	603.426.380.000	(49.700.000)	91.921.802.575	75.749.956.936	9.108.380.169	780.156.819.680
Số dư tại ngày 1/1/2019	603.426.380.000	(49.700.000)	91.921.802.575	145.374.854.809	11.823.911.928	852.497.249.312
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	73.994.608.410	3.893.936.097	77.888.544.507
Phân bổ vào các quỹ	-	-	11.531.451.174	(11.531.451.174)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(13.526.681.669)	(347.657.914)	(13.874.339.583)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	(120.678.570.000)	(4.910.100.383)	(125.588.670.383)
Số dư tại ngày 30/6/2019	603.426.380.000	(49.700.000)	103.453.253.749	73.632.760.376	10.460.089.728	790.922.783.853

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.342.638	603.426.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngưng cho tới khi chúng được phát hành lại.

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

29. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền mặt trị giá 120.679 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 72.407 triệu VND).

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Gas giữ hộ bên thứ ba	1.322.063.550	1.751.783.500v

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng****kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	2.098,54	45.819.720	13.701,83	316.745.103
Euro ("EUR")	174,47	4.603.101	168,10	4.433.470
		<u>50.422.821</u>		<u>321.178.573</u>

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.571.012.227.500	1.565.842.516.661
▪ Cung cấp dịch vụ	8.679.710.878	5.317.641.714
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	1.220.530.900	1.809.522.818
▪ Phân bổ tiền ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	15.119.149.219	14.946.109.445
	<u>1.596.031.618.497</u>	<u>1.587.915.790.638</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(11.562.399.900)	(12.457.740.166)
▪ Hàng bán bị trả lại	(5.960.403.957)	(5.058.089.682)
	<u>(17.522.803.857)</u>	<u>(17.515.829.848)</u>
Doanh thu thuần	<u>1.578.508.814.640</u>	<u>1.570.399.960.790</u>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	1.246.182.840.952	1.244.644.419.876
▪ Cung cấp dịch vụ	7.734.257.491	1.519.404.897
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	2.282.793.875	1.813.350.568
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.718.907.032	643.790.437
	1.258.918.799.350	1.248.620.965.778

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	22.185.684.549	30.249.990.429
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.090.079.508	632.934.258
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	262.915.386	-
Khác	25.851.273	2.394.298
	23.564.530.716	30.885.318.985

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	22.192.871.726	25.077.234.061
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(110.000.000)	1.160.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	494.261.950
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	815.240.965	702.811.870
	22.898.112.691	27.434.307.881

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	32.185.073.834	34.571.806.635
Chi phí khấu hao	1.711.898.085	2.359.996.553
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	30.907.683.351	28.899.704.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.352.341.488	47.675.679.385
Chi phí bán hàng khác	51.226.144.876	52.113.371.084
	166.383.141.634	165.620.557.663

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	24.651.296.947	32.032.108.265
Chi phí khấu hao	2.598.925.421	2.899.207.570
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(88.281.557)	(486.797.861)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.199.479.562	12.505.834.456
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.490.131.046	10.461.284.533
	56.851.551.419	57.411.636.963

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	1.097.438.503.565	1.077.602.013.283
Chi phí nguyên vật liệu	83.922.778.720	89.181.585.841
Chi phí nhân viên	96.505.609.004	99.361.569.450
Chi phí khấu hao	29.594.221.075	31.129.222.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.564.589.181	77.770.176.859
Chi phí khác	101.056.933.058	96.296.128.988

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***38. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	19.364.677.440	21.195.364.946
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	265.891.289	937.732.296
Chi phí thuế thu nhập	19.630.568.729	22.133.097.242

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	97.519.113.236	102.707.478.928
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	19.503.822.647	20.541.495.786
Chi phí không được khấu trừ thuế	126.746.082	158.538.552
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	-	1.001.498.354
Biến động khác	-	431.564.550
	19.630.568.729	22.133.097.242

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 73.994.608.410 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: 78.041.772.174 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 60.339.285 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: 60.339.285 cổ phiếu).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm tiếp theo. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Phân phối lợi nhuận	63.208.598.000	37.925.158.800
Các bên liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
<i>Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế</i>		
Bán hàng hóa	29.382.239.300	31.217.882.400
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i>		
Bán hàng hóa	25.253.549.578	20.073.229.682
<i>Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam – Công ty Xăng dầu khu vực V</i>		
Bán hàng hóa	20.848.360.800	21.527.221.200
<i>Công ty Xăng dầu Hà Giang</i>		
Bán hàng hóa	16.078.086.008	17.218.857.528
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Bình</i>		
Bán hàng hóa	19.096.686.700	19.363.306.850
<i>Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn – Công ty Xăng dầu Hà Bắc</i>		
Bán hàng hóa	13.753.405.749	13.429.339.323

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty Xăng dầu Nghệ An		
Bán hàng hóa	17.752.426.143	17.407.124.905
Công ty Xăng dầu Quảng Trị		
Bán hàng hóa	16.543.773.600	15.268.802.600
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn		
Vay	17.834.881.968	-
Hoàn trả gốc vay	19.334.881.968	213.818.309.032
Chi phí lãi vay	185.360.337	2.530.405.368
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Bán hàng hóa	296.241.228.772	298.658.136.021
Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	469.136.467	533.299.547
Các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	1.313.582.108	1.130.320.568
Hội đồng Quản trị		
Thù lao	907.393.650	896.137.146
Ban Kiểm soát		
Thù lao	557.911.522	635.207.137

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

41. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được mang sang từ:

- các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan; và
- số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan.

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

28-08-2019



Đỗ Thị Vân Chi
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc